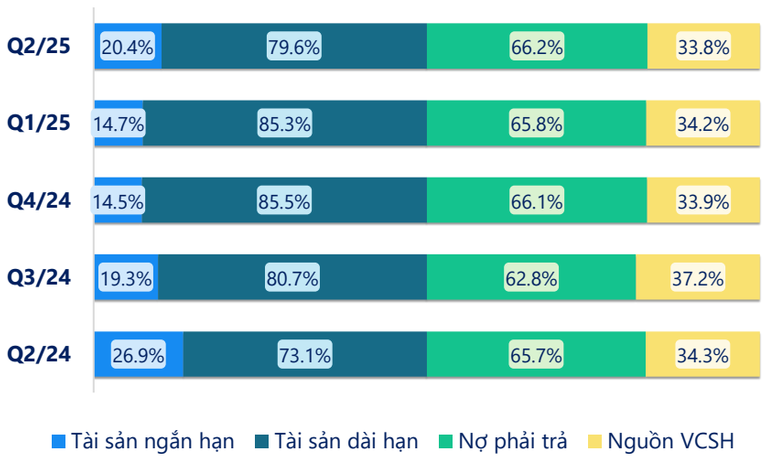
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	15,333,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,285
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
P/E	-5.8
EPS	-1,425

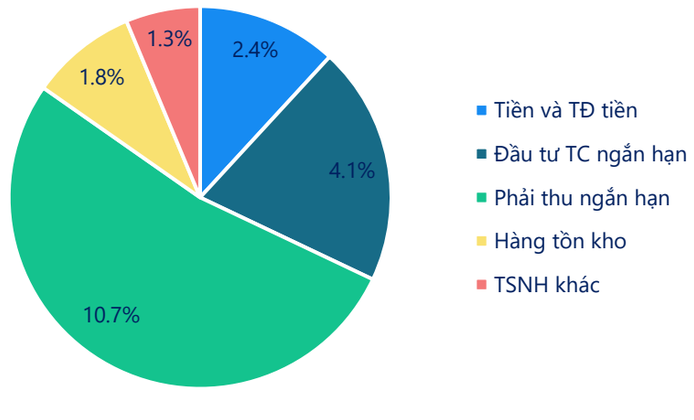
	YTD	1T	3T	6T
TL4	17.1%	2.5%	12.3%	17.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



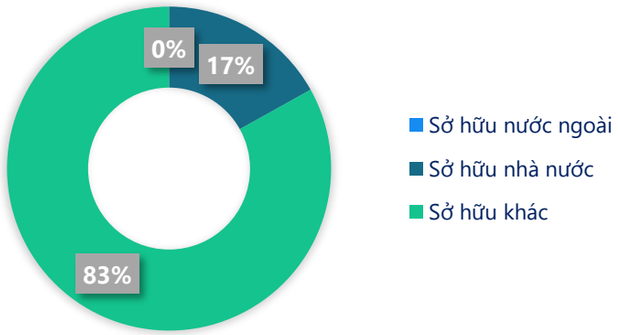
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



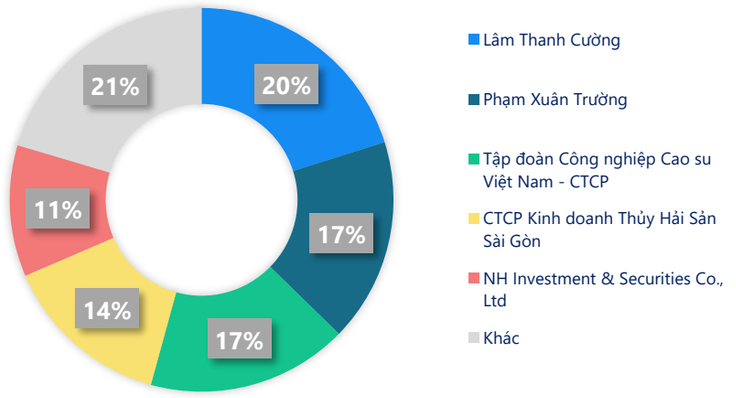
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



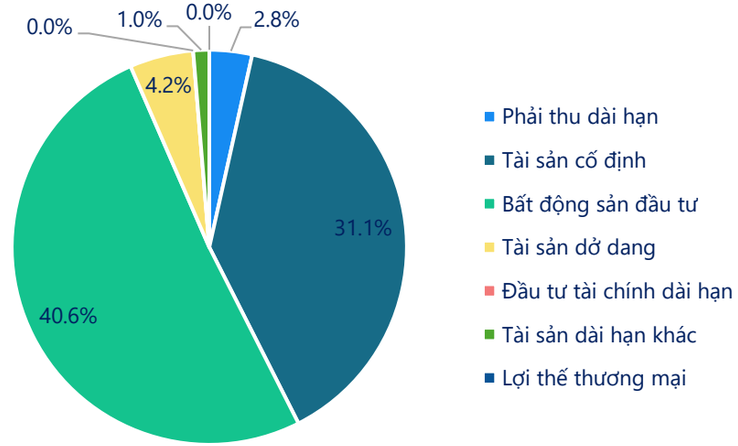
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

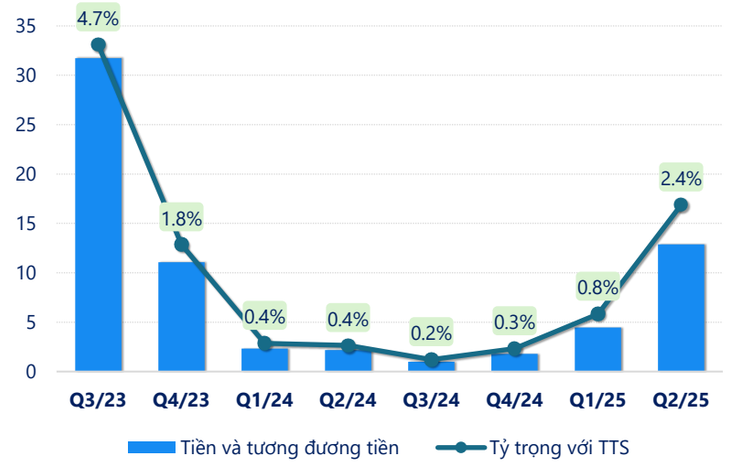


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

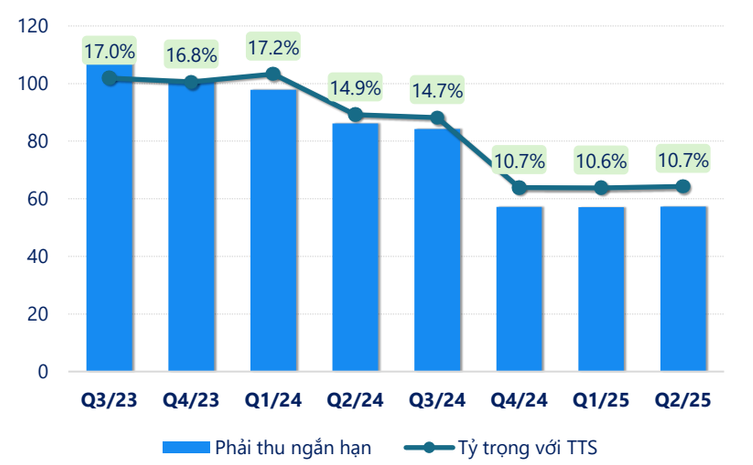
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Tiền và tương đương tiền



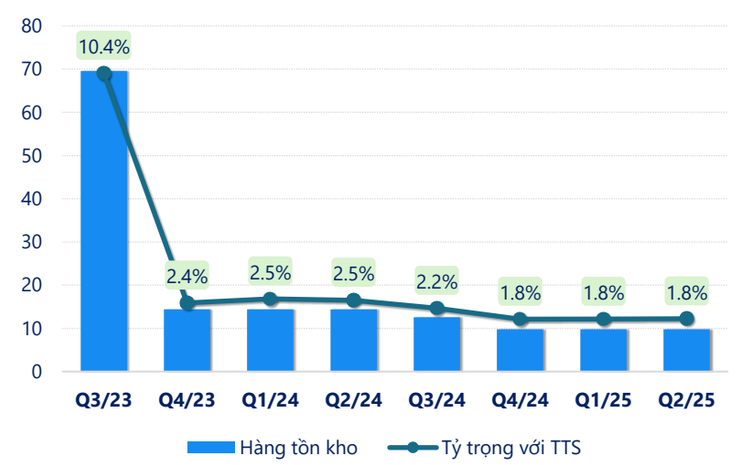
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



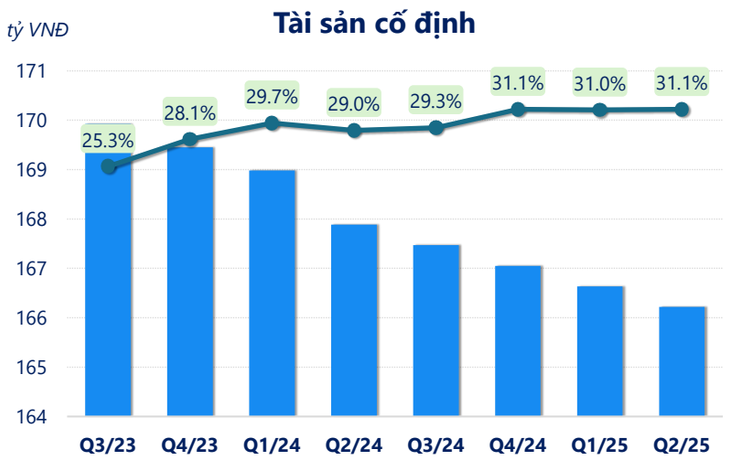
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



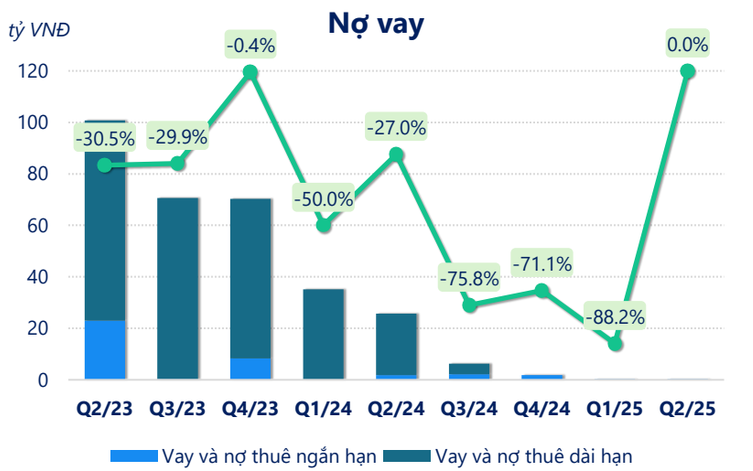
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



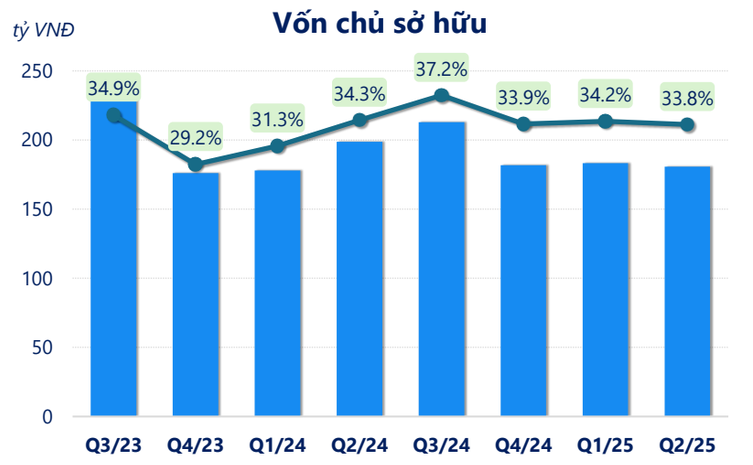
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

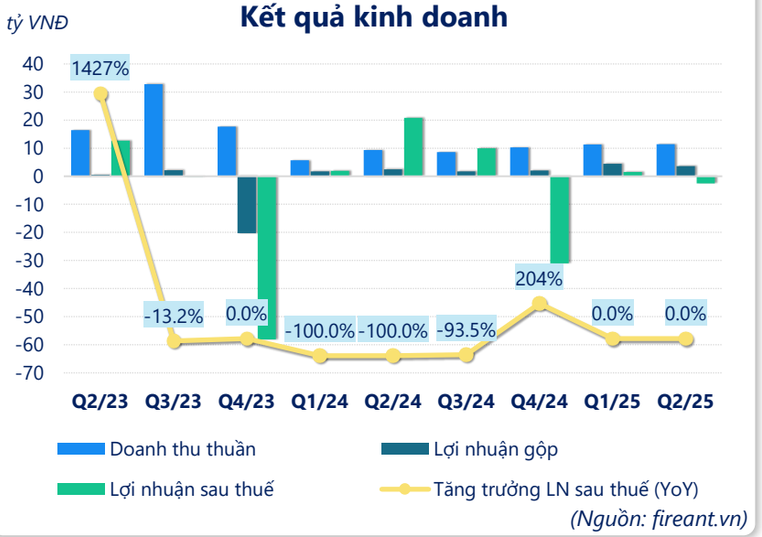


(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

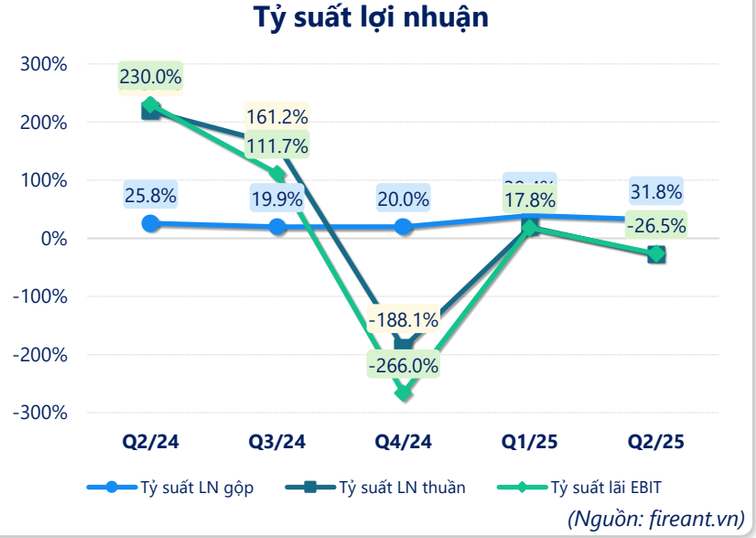
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

Kết quả kinh doanh



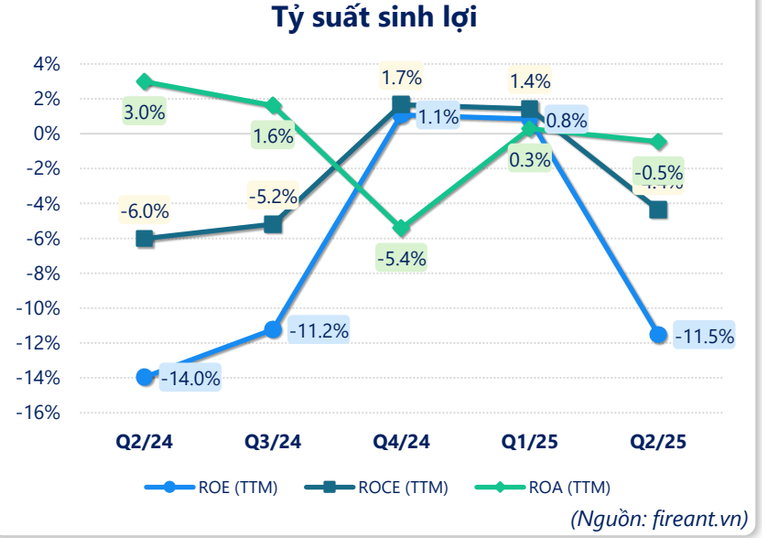
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



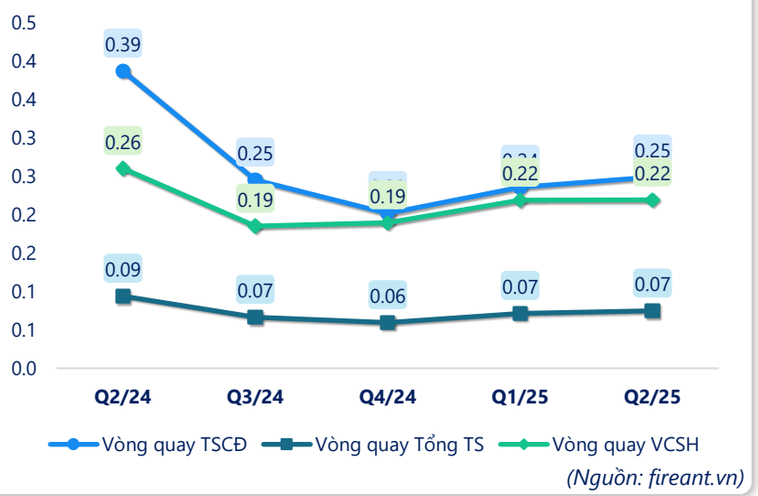
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



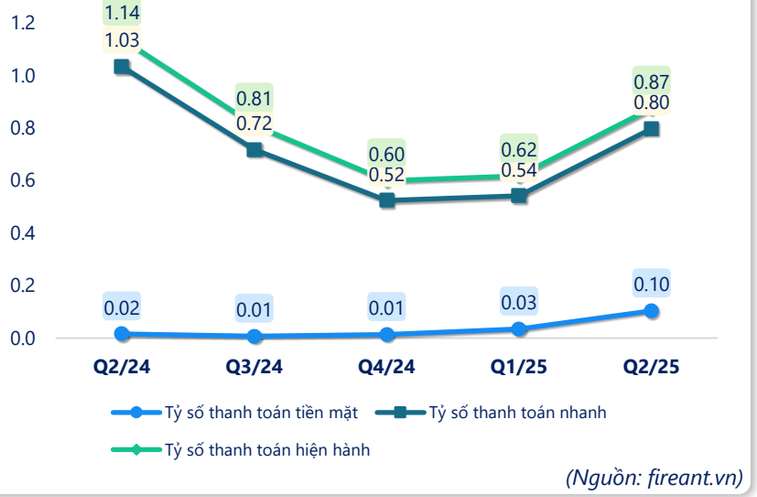
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



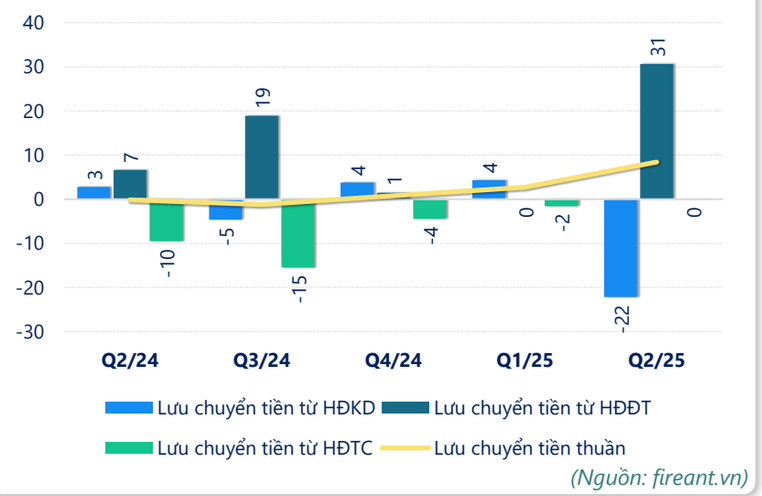
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**535**	**537**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	109	77.7	40.1%
Tiền và tương đương tiền	12.9	1.78	625%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	0.66	3249%
Phải thu ngắn hạn	57.3	57.2	0.2%
Hàng tồn kho	9.78	9.77	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.85	8.25	-17.0%
Tài sản dài hạn	**426**	**459**	**-7.3%**
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.1%
Tài sản cố định	166	167	-0.5%
Bất động sản đầu tư	217	220	-1.2%
Tài sản dở dang	22.2	22.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	30.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	**5.56**	**5.64**	**-1.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	354	355	-0.4%
Nợ ngắn hạn	**124**	**130**	**-4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.21	1.80	-88.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	73.0	73.2	-0.3%
Nợ dài hạn	229	225	1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**181**	**182**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**181**	**182**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	9.38	8.64	10.2	11.3	11.4
Giá vốn hàng bán	6.97	6.92	8.18	6.85	7.80
Lợi nhuận gộp	2.42	1.72	2.05	4.46	3.65
Doanh thu HĐTC	35.2	6.27	0.34	-0.01	0.37
Chi phí TC	0.83	-0.71	-0.19	0.00	5.44
Chi phí lãi vay	0.80	0.61	0.13	0.00	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	16.2	-5.22	21.8	2.23	1.78
LN thuần từ HĐKD	20.6	13.9	-19.2	2.22	-3.21
Lợi nhuận khác	0.22	-4.88	-8.10	-0.21	0.18
LN trước thuế	20.8	9.04	-27.3	2.01	-3.03
Lợi nhuận sau thuế	20.8	9.98	-31.0	1.54	-2.56
LNST của CĐ cty mẹ	20.8	10.0	-30.9	1.57	-2.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.78	-4.66	3.79	4.30	-22.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.60	18.9	1.46	-0.04	30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.51	-15.4	-4.46	-1.59	0.00
Tiền đầu kỳ	2.33	2.19	0.99	1.78	4.46
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.14**	**-1.20**	**0.79**	**2.68**	**8.43**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.19	0.99	1.78	4.46	12.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic